TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Bản án số: 212/2021/HNGĐ-ST Ngày: 30-6-2021 *V/v tranh chấp ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021 ngày 25/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thúy H, sinh năm 1983; HKTT: Thôn T, xã S, huyện K, TP Hà Nội; Hiện trú tại: Số nhà 12, ngách 56, Ngõ 221, phố E, quận S, TP Hà NHội (Số cũ: B15 tập thể Điện Cơ, ngõ 221, phố E, quận S); Nghề nghiệp: Nhân viên của Công ty cổ phần Nivagroup. "Có mặt".

Bị đơn: Anh Phan Phi H1, sinh năm 1981; HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện K, TP Hà Nội. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/3/2021, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thúy H trình bày: Tôi và anh H1 do làm cùng công ty, chúng tôi có tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2009 tại UBND xã S, huyện K, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi tôi mang bầu, anh H1 thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, không quan tâm đến tôi, đến gia đình. Đến khi tôi sinh con, anh H1 cũng không quan tâm đến con, anh H1 đi làm từ sáng đến đêm mới về, kinh tế không đóng góp gì, ngoài ra tôi còn nghi ngờ anh H1 có quan hệ bên

ngoài với phụ nữ khác. Tôi và anh H1 có ngồi nói chuyện để giải quyết chuyện vợ chồng, nhưng chỉ được 1-2 câu là anh H1 bỏ đi không nói chuyện. Năm 2013, trong 1 lần nói chuyện anh H1 có hành vi bạo lực đối với tôi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tôi đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ tôi sống từ đó đến nay. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống với bố mẹ chồng ở xã S khoảng 2 năm, sau đó về nhà bố mẹ đẻ tôi ở phố E khoảng 02 năm, rồi vợ chồng thuê nhà quanh nhà bố mẹ để tôi tại quận S, từ năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng thì tôi đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, anh H1 thuê nhà ở chỗ khác. Hiện nay, anh H1 đang thuê 1 nơi gần nhà bố mẹ đẻ tôi tại quận S vừa mở quán bán hàng cà phê, vừa làm nơi sinh sống. Từ năm 2013 tôi nuôi con, một năm anh H1 cho con tiền được 1-2 lần, mỗi lần khoảng 1.000.000 đồng, còn lại 1 mình tôi lo cho các con. Gần đây anh H1 thấy tôi có ý định làm đơn ly hôn, anh H1 lại giằng giật nuôi con với tôi. Khoảng tháng 11/2019 tôi cũng đã làm đơn ly hôn tại Tòa án K nhưng sau đó tôi rút đơn đình chỉ vì anh H1 không đến Tòa án và cũng là để cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ với nhau. Tôi xác định vợ chồng tôi chính thức ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Tôi và anh Phan Phi H1 có 02 con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Phan Bảo N, sinh ngày 03/11/2011. Hiện hai cháu sống ở hai nơi vì khi biết tôi có ý định ly hôn thì anh H1 giằng giật nuôi con nên lúc con ở với tôi, lúc thì về với anh H1, hiện nay hai cháu đang nghỉ hè thì về ông bà nội chơi, cuối tuần này tôi sẽ đón các cháu, còn từ năm 2013 các con sống với tôi. Trong trường hợp ly hôn, các con có nguyện vọng ở với tôi, tôi xin nuôi hai cháu, tôi không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, tôi làm kinh doanh bán Ma nơ canh trong giờ hành chính ngày thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, Công ty của tôi đóng tại số 9B Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, trung bình thu nhập mỗi tháng của tôi khoảng 14.000.000-20.000.000 đồng, hiện tôi đang sống cùng mẹ đẻ tôi tại quận S, Hà Nội, nhà mẹ tôi rộng khoảng 50m^2 nhưng chỉ có 3 mẹ con tôi và mẹ tôi sinh sống. Các con tôi cháu lớp 6 đang học tại trường cấp 2 S, cháu lớp 4 đang học trường Kim Liên đều gần nhà bố mẹ đẻ tôi. Còn anh H1 đi thuê nhà ở, nơi ở không cố định. Về con nuôi, con riêng tôi và anh H1 không có. Về tài sản chung và công nợ chung**:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Phi H1 không có mặt tại phiên tòa. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 100/2021/TBTL – HNGĐ ngày 18/3/2021; Thông báo lời khai của chị Lê Thúy H; Các giấy triệu tập đến Tòa án để công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, tuy nhiên anh Phan Phi H1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có quan điểm ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng

quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không hợp tác, nhiều lần không đến Tòa án. Về ý kiến giải quyết vụ án: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2009 tại UBND xã S, huyện K, Hà Nội. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét chị H anh H1 không còn chung sống với nhau từ năm 2018, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cho chị H được ly hôn với anh H1 là có căn cứ. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Phan Bảo N, sinh ngày 03/11/2011. Khi ly hôn, giao cháu Phan Minh N cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phan Bảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh H1 và chị H cho đến khi cháu Minh N và cháu Bảo N đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền theo cấp Tòa án, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại thôn T, xã S, huyện K, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ, cấp Tòa án và loại việc.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt anh Phan Phi H1: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt là lần thứ 2 không có lý do chính đáng mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh H1 là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Lê Thúy H và anh Phan Phi H1 có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, TP Hà Nội, có xuất trình trích lục kết hôn, đủ cơ sở kết luận đây là hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do anh H1 không quan tâm đến vợ, đến con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần xô xát, vợ chồng đã chính thức ly thân từ 2018 đến nay, năm 2019 chị H đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án và đã rút đơn khởi kiện. Anh H1 không đến Tòa án, không có quan điểm. Ông Nguyễn N Côi là bố đẻ anh H1 cung cấp là khoảng năm 2018 chị H có nói chuyện với ông là vợ chồng ly thân không còn ở với nhau, sau

đó anh H1 có thừa nhận với ông chuyện vợ chồng đã ly thân nên đủ căn cứ xác định chị H anh H1 đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Năm 2019 chị H đã có đơn xin ly hôn nhưng vụ án đã đình chỉ vì chị H rút đơn. Xét, chị H anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình là "*….thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình….. phải có nghĩa vụ chung sống với nhau",* làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị H được ly hôn với anh H1 là có căn cứ.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị Lê Thúy H và anh Phan Phi H1 có 02 con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Phan Bảo N, sinh ngày 03/11/2011. Xét khi ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hai cháu Bảo N và Minh N có nguyện vọng ở với chị H, chị H có thu nhập bình quân khoảng 16.000.000 đồng/tháng, có nơi sinh sống ổn định tại nhà mẹ đẻ tại B15 tập thể Điện cơ, ngõ 221 E, phường Hàng Bột, quận S, Hà Nội (địa chỉ mới: nhà số 12 ngách 56, ngõ 221 phố E), trong khi anh H1 không có ý kiến về nguyện vọng nuôi con, không chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con chung, hai con không có nguyện vọng ở với anh H1, nên giao hai cháu Minh N và Bảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Lê Thúy H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thúy H được chấp nhận nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 269, 271, 272, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thúy H đối với anh Phan Phi H1. Xử cho chị Lê Thúy H được ly hôn với anh Phan Phi H1.

2. Về con chung: Chị Lê Thúy H và anh Phan Phi H1 có 02 con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 03/10/2009 và cháu Phan Bảo N, sinh ngày 03/11/2011. Khi ly hôn, giao cháu Minh N và cháu Bảo N cho chị Lê Thúy H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Minh N và cháu Bảo N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh H1 cho chị H cho đến khi cháu Bảo N, Minh N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Phan Phi H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Lê Thúy H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0005864 ngày 18/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Thúy H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Phan Phi H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã S, huyện K, TP Hà Nội (ĐKKH: Số 20 ngày 13/3/2009).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương